

Tuần 4:Tiết 18:

Ngày dạy:

Bài 11: XUNG HÔ TRONG HỘI THOẠI

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Hệ thống từ ngữ xưng hô tiếng Việt
- Đặc điểm của việc sử dụng từ ngữ xưng hô trong tiếng Việt.

2. Kỹ năng:

- Phân tích để thấy rõ mối quan hệ giữa việc sử dụng từ ngữ xưng hô trong văn bản cụ thể.

- Sử dụng thích hợp từ ngữ xưng hô trong giao tiếp.

- Giao tiếp: trình bày trao đổi về cách xưng hô trong hội thoại trong từng tình huống giao tiếp; ra quyết định lựa chọn từ xưng hô hiệu quả trong giao tiếp.

3. Thái độ:

HS thêm yêu quý say mê học tiếng Việt

II. CHUẨN BỊ:

- GV: Sách GK, giáo án
- HS: học bài, đọc trước bài, soạn bài trả lời các câu hỏi SGK.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

***Vào bài:**

HOẠT ĐỘNG THẦY VÀ TRÒ	NỘI DUNG
*HD1: Từ ngữ xưng hô và việc sử dụng từ ngữ xưng hô: - GDKNS: KT/phân tích tình huống -> từ ngữ xưng hô và cách sử dụng từ ngữ xưng hô trong giao tiếp. 1.Hãy nêu một số từ ngữ dùng để xưng hô trong tiếng Việt và cho biết cách dùng những từ ngữ đó? - Đại từ : +Tôi, tao, tớ, mày, mi... (số ít) +Chúng tôi, chúng tao, chúng mày, bọn.. (số nhiều) - Danh từ: + Ông, bà, chú, bác, cô, anh, chị, em... (quan hệ gia đình) + Thủ trưởng, Bác sĩ, gia sư, (chức vụ, nghề nghiệp) + Bạn... (quan hệ XH) - DT riêng: Trang, Hùng, Hoa... xưng hô bằng tên riêng Có thể so sánh với cách dùng từ xưng hô trong Tiếng Anh (I, you) -> sự tinh tế, giàu sắc thái biểu cảm của tiếng Việt 2.Đọc đoạn trích (SGK), trả lời câu hỏi: - Từ ngữ xưng hô: Đ1: Em – anh (Dế Choắt nói với Dế Mèn) Ta – chú mày (Dế Mèn nói với Dế Choắt) Đ2:Tôi – anh Dế Mèn nói với Dế Choắt) (Dế Choắt nói với Dế Mèn)	I.Từ ngữ xưng hô và việc sử dụng từ ngữ xưng hô: 1.Có thể dùng các đại từ, danh từ để xưng hô. 2.Ngữ liệu (SGK) - Từ ngữ xưng hô: Đ1: Em – anh Ta – chú mày Đ2: Tôi – anh - Phân tích sự thay đổi cách xưng hô

- Phân tích sự thay đổi cách xưng hô:

Đ1: Cách xưng hô của 2 NV khác nhau đó là xưng hô bất bình đẳng của kẻ vị thế yếu thấp hèn, cần nhờ vả người khác: Và 1 kẻ ở vị thế mạnh kiêu căng và hách dịch. (vai xã hội: trên- dưới)

Đ2: Cách xưng hô thay đổi đó là sự xưng hô bình đẳng. (Vai xã hội: ngang hàng)

-> **Cách xưng hô thay đổi** vì tình huống giao tiếp thay đổi. Vai xã hội của từng nhân vật thay đổi. (Đ2: Dế Choắt đã coi dế Mèn như 1 người bạn, nói lời trăng trối chẵn thành)

-> ?Em có nhận xét gì về hệ thống từ ngữ xưng hô trong tiếng Việt?

-> ?Để xưng hô hợp lí, người nói phải chú ý đến điều gì?

-> Ghi nhớ (SGK)

***HD2: Luyện tập: GDKNS** (bài tập có HD -> cách xưng hô trong HT)

- **BT1:** Câu: Ngày mai chúng ta làm lễ thành hôn, mời thầy đến dự.

- Lời mời có sự nhầm lẫn trong cách dùng từ xưng hô:

- Chúng ta: Cách xưng hô ở ngôi thứ nhất số nhiều (chỉ chung cả người nói và người nghe) = Ngôi gộp.

- Chúng em: Cách xưng hô ngôi thứ nhất số nhiều nhưng chỉ riêng nhưng chỉ riêng về phía người nói (Ngôi trừ)

Vì: Có sự nhầm lẫn là do thói quen dùng tiếng mẹ đẻ của nữ học viên người Châu Âu.

- **BT2:**

+ Dùng “chúng tôi”: Tăng tính khách quan cho luận điểm KH trong VB;

thể hiện sự khiêm tốn của tác giả.

+Dùng “Tôi”: Khi cần nhấn mạnh ý kiến cá nhân.

- **BT3:**

+Cách gọi “mẹ” của Thánh Gióng : thông thường

+Cách xưng: Ta - ông: Có sự khác thường. (Đây là đứa trẻ khác thường)

- **BT4:**

Cách xưng của vị tướng: Thầy – con =>Thái độ kính cẩn, lòng biết ơn. Bài học sâu sắc về tinh thần “tôn sư trọng đạo” rất đáng để noi theo.

- **BT5:**

+Trước 1945 đất nước ta còn là nước PK. Đứng đầu nhà nước là Vua. Xưng với dân chúng “ Trẫm” (Vai xã hội: trên- dưới)

+Bác Hồ: Xưng “ Tôi” và “ đồng bào” tạo sự gần gũi, thân thiết, tôn trọng. Đó là quan hệ bình đẳng (Vai xã hội ngang hàng)

- **BT6:** Cách xưng hô của cai lệ thể hiện sự trịch thượng, hách hác. Cách xưng hô của chị Dậu ban đầu hạ mình, nhún nhục (nhà cháu-

-> Sự thay đổi cách xưng hô là do tình huống giao tiếp và vai xã hội quyết định

-> **Bài học:** Sự tinh tế của tiếng Việt; tình huống và vai xã hội trong việc xưng hô.

->**Ghi nhớ** (SGK)

II. Luyện tập:

BT1: từ xưng hô chúng ta là nhầm, phải thay bằng chúng em.

BT2:

Dùng “chúng tôi”: thể hiện sự khiêm tốn và tăng tính khách quan

- **BT3:**

Cách xưng hô: ta- ông là khác thường

- **BT4:** Cách xưng hô thể hiện tinh thần tôn sư trọng đạo rất đáng để noi theo.

- **BT5:** Cách xưng hô của Bác thể hiện sự bình đẳng, tôn trọng nhân dân

- **BT6:** sự thay đổi cách xưng hô của chị Dậu thể hiện sự phản kháng quyết

ông), nhưng sau đó thay đổi hoàn toàn: tôi- ông, rồi bà- mày -> thể hiện sự thay đổi thái độ và hành vi ứng xử của nhân vật. Nó thể hiện sự phản kháng quyết liệt của một con người bị dồn đến bước đường cùng.	liệt của một người bị dồn vào bước đường cùng.
---	--

IV.CỦNG CỐ- HD HS HỌC Ở NHÀ

***Củng cố:** Căn cứ vào yếu tố nào để người nói có cách xưng hô cho hợp lí?

***HD:** Học bài, làm lại bài tập, chuẩn bị bài Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.